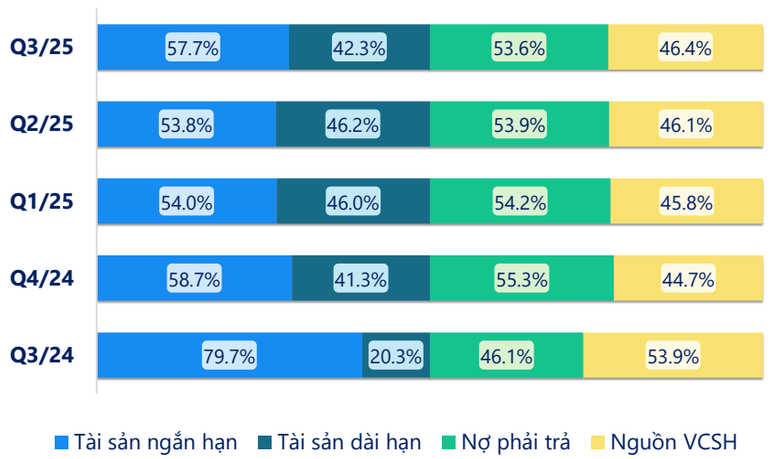
FireAnt

CTCP Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC (HSX: ACC)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	13,750
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	15,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	13,100
SL cổ phiếu LH	
KLGD BQ 20 phiên (CP)	65,660
% sở hữu nước ngoài	7.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	
P/E	
EPS	

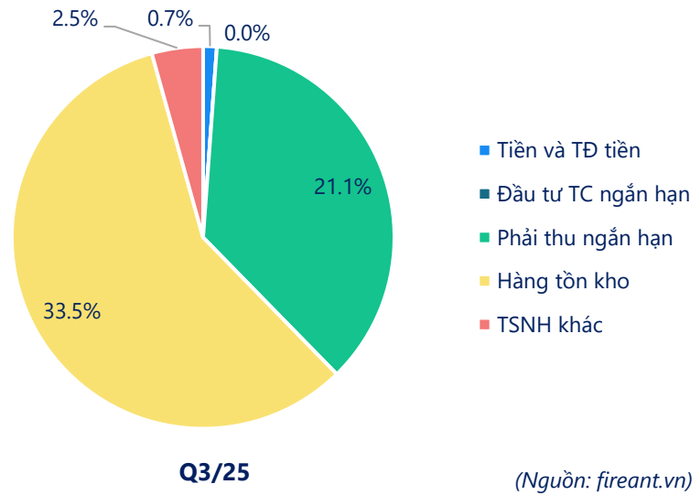
	YTD	1T	3T	6T
ACC	-6.1%	-1.4%	-1.8%	-6.1%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



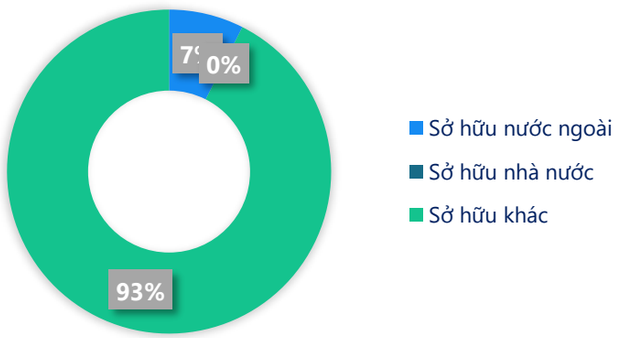
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



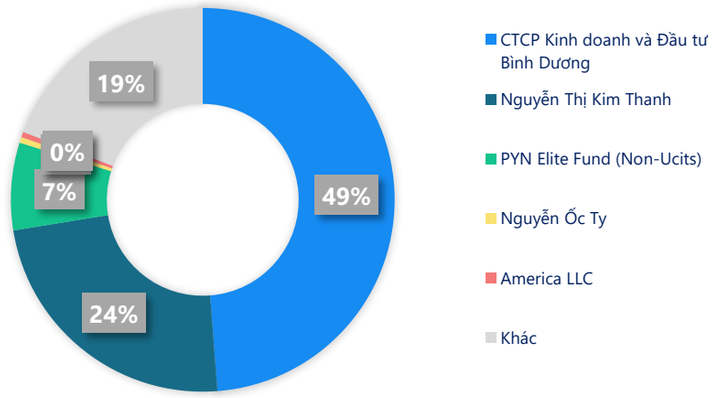
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



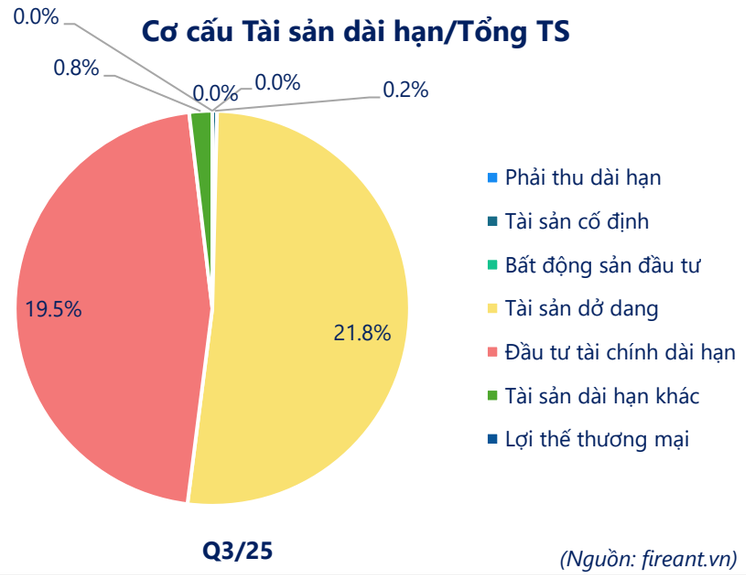
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

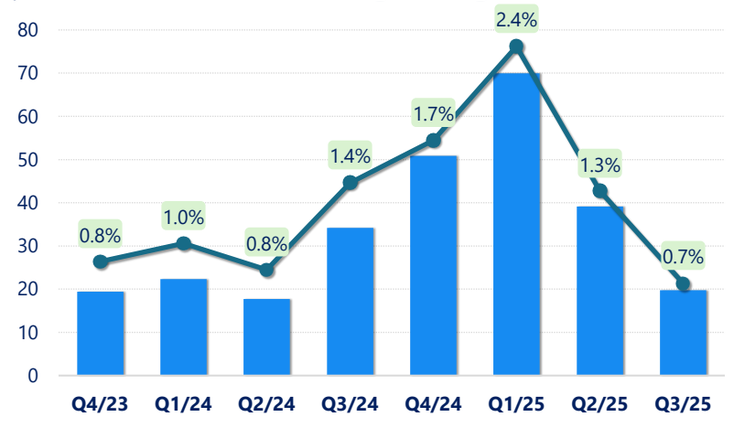


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

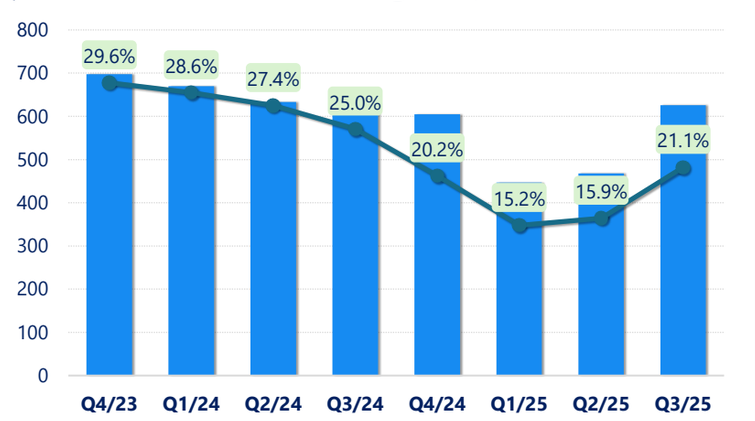
CTCP Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC (HSX: ACC)

Tiền và tương đương tiền



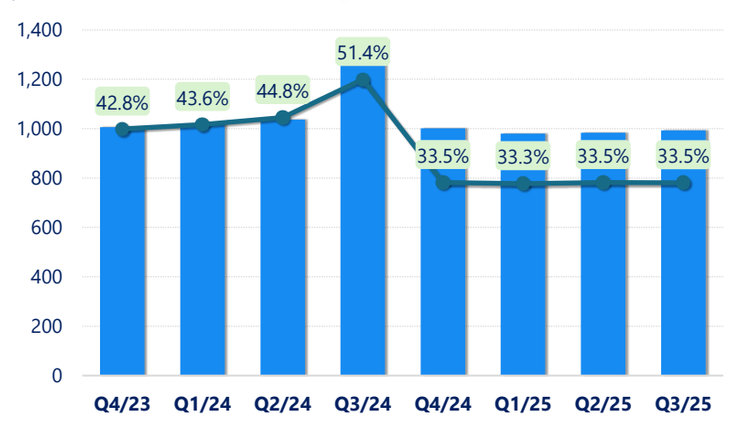
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



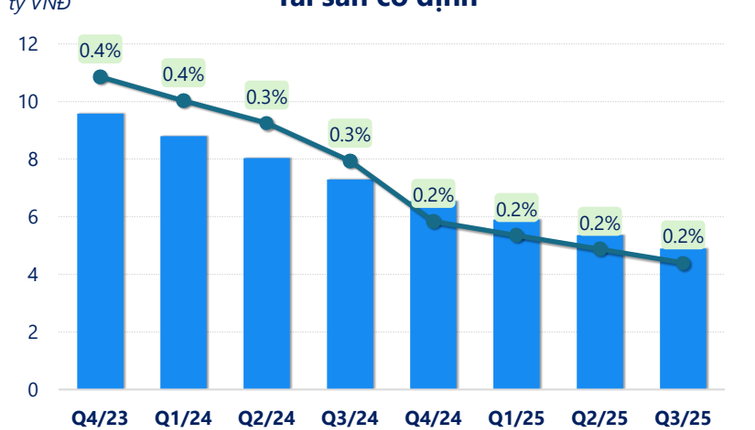
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



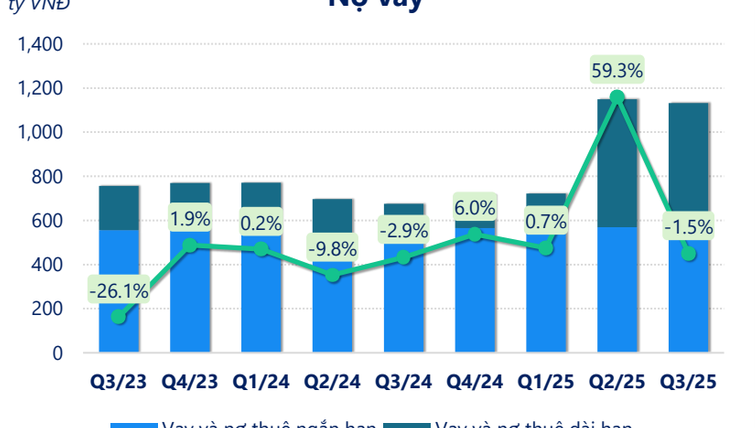
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



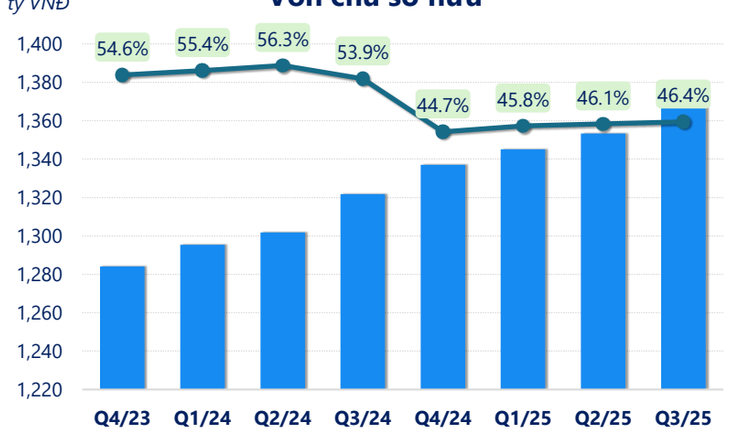
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

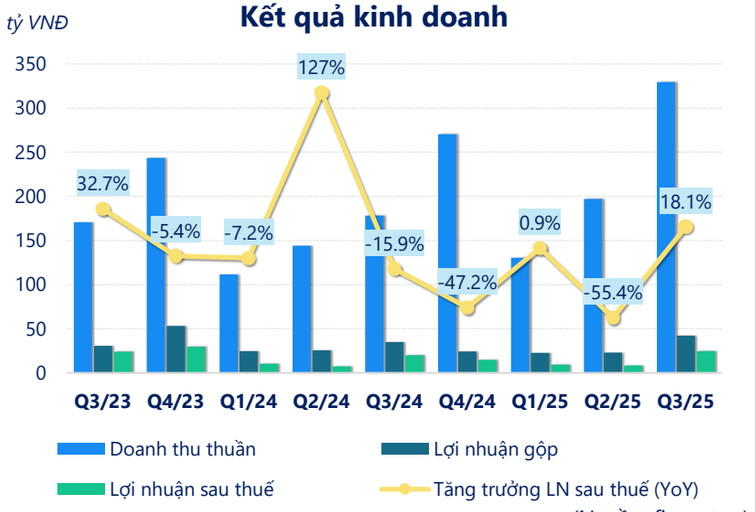


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

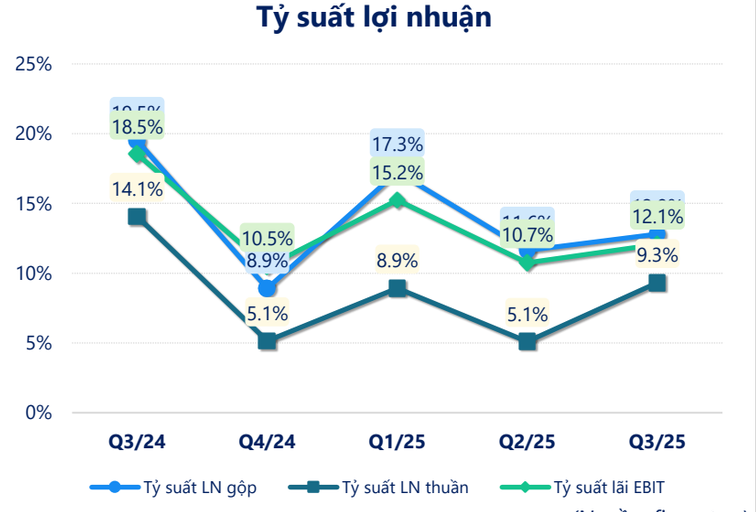
CTCP Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC (HSX: ACC)

Kết quả kinh doanh



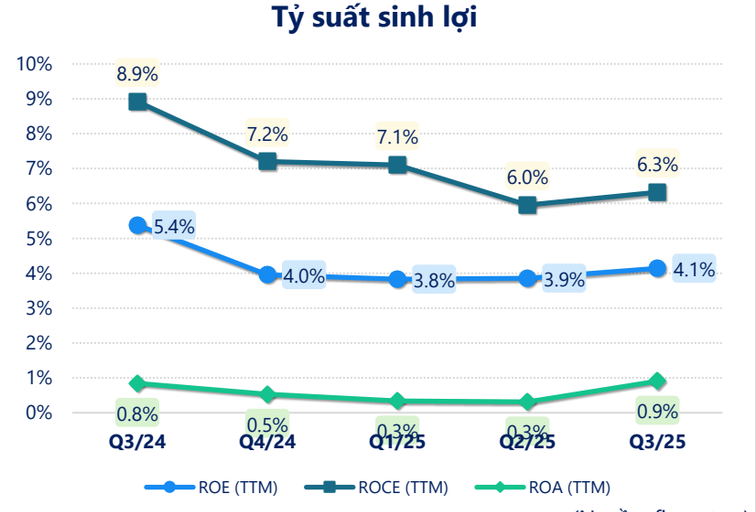
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



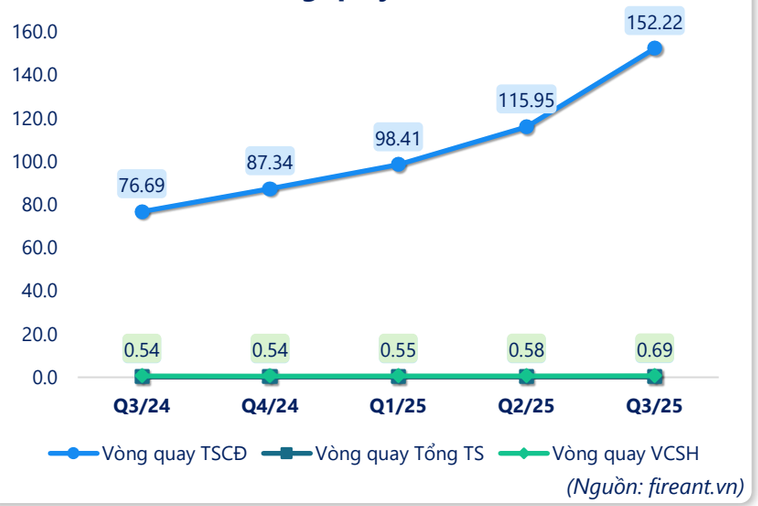
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



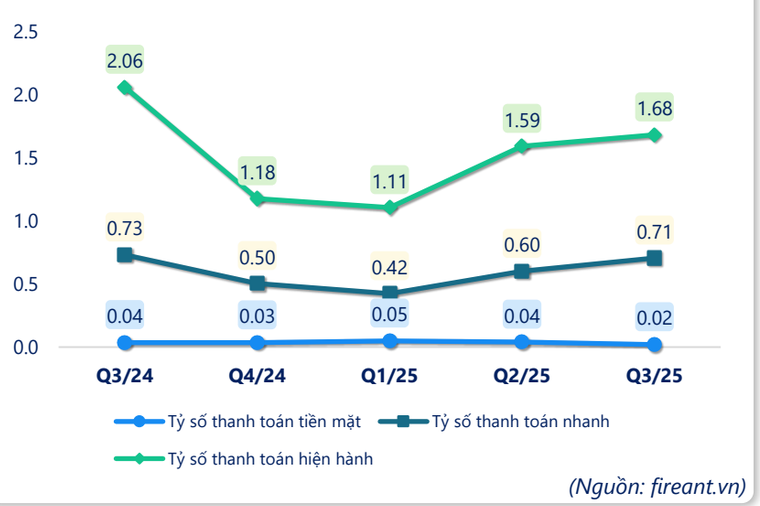
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



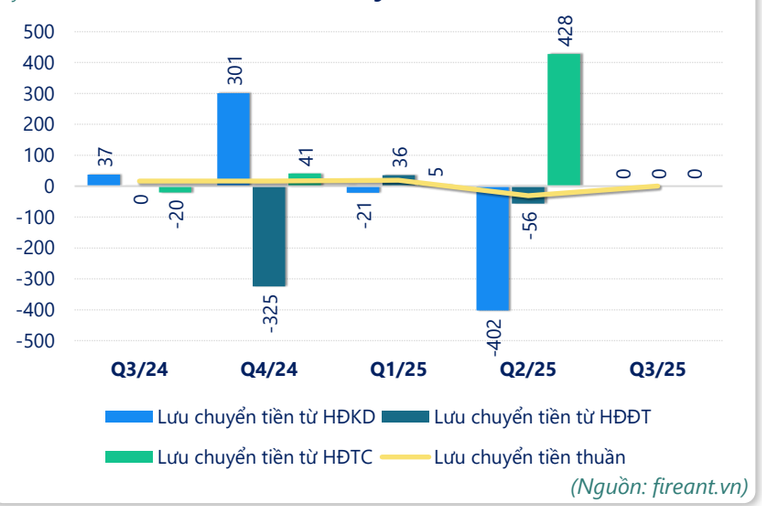
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC (HSX: ACC)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,967**	**2,987**	**-0.7%**
Tài sản ngắn hạn	1,713	1,753	-2.3%
Tiền và tương đương tiền	19.8	50.8	-61.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	626	604	3.6%
Hàng tồn kho	993	1,002	-0.8%
Tài sản ngắn hạn khác	74.1	95.9	-22.7%
Tài sản dài hạn	**1,254**	**1,235**	**1.5%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	4.89	6.54	-25.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	647	740	-12.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	578	464	24.6%
Tài sản dài hạn khác	**23.6**	**24.5**	**-3.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,589	1,651	-3.8%
Nợ ngắn hạn	**1,018**	**1,490**	**-31.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	573	565	1.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	346	797	-56.5%
Nợ dài hạn	570	161	254%
Vay và nợ thuê dài hạn	559	152	268%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,378**	**1,337**	**3.1%**
Vốn chủ sở hữu	**1,378**	**1,337**	**3.1%**
Vốn điều lệ	1,050	1,050	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	178	270	130	197	329
Giá vốn hàng bán	144	246	108	174	287
Lợi nhuận gộp	34.8	24.1	22.5	23.0	42.2
Doanh thu HĐTC	2.66	3.04	1.76	1.04	1.61
Chi phí TC	8.11	10.4	8.36	10.7	9.11
Chi phí lãi vay	8.11	10.4	8.36	10.7	9.11
LN trong công ty LKLD	0	1.25	0	0	1.00
Chi phí bán hàng	1.03	0.64	1.72	1.06	1.97
Chi phí QLDN	3.22	3.46	2.54	2.19	3.03
LN thuần từ HĐKD	25.1	13.9	11.6	10.1	30.7
Lợi nhuận khác	-0.15	4.07	-0.14	0.44	-0.03
LN trước thuế	24.9	18.0	11.5	10.5	30.7
Lợi nhuận sau thuế	19.9	14.5	9.16	8.39	24.7
LNST của CĐ cty mẹ	19.9	14.3	8.92	8.19	24.6

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	36.9	301	-21.3	-402	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.28	-325	35.6	-56.2	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-20.2	40.8	4.88	428	0
Tiền đầu kỳ	17.7	34.2	50.8	70.0	0
Lưu chuyển tiền thuần	**16.5**	**16.7**	**19.1**	**-30.8**	**0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	34.2	50.8	70.0	39.1	0

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic